VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH
Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý; bao gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (bao gồm cả khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trong khu kinh tế).

c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nhỏ lẻ, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước cho một hoặc một vài hộ gia đình sử dụng nước như: công trình thu và chứa nước hộ gia đình, giếng thu nước ngầm tầng (giếng đào, giếng mạch lộ), giếng khoan đường kính nhỏ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Doanh nghiệp.

5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) gồm: công trình khai thác nước, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch và các công trình phụ trợ có liên quan.

2. Công trình phụ trợ có liên quan là các công trình hỗ trợ cho việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hệ thống cấp nước như: nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị, sân, đường, tường rào, trạm biến áp, các loại hố van, hộp đồng hồ, họng cứu hỏa, công trình khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý bao gồm: tài sản được đầu tư toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật; tài sản được chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư bàn giao sau đầu tư cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở trung ương là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng theo phân công của Chính phủ.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở địa phương là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng.

5. Tự vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là việc đối tượng được giao quản lý tài sản trực tiếp thực hiện toàn bộ hoặc trực tiếp thực hiện một phần, giao khoán một phần các công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản.

6. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho tổ chức để sản xuất, kinh doanh nước sạch trong một thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

7. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản hiện có theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho tổ chức để sản xuất, kinh doanh nước sạch trong một thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

8. Bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là việc Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên đất (không bao gồm quyền sử dụng đất) cho các tổ chức để quản lý, sử dụng và khai thác vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức mua tài sản không được thay đổi công năng của tài sản; việc quản lý, sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Mọi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý đều được Nhà nước giao cho đối tượng quản lý theo quy định của pháp luật.

Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đối tượng quản lý phải căn cứ vào điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng địa phương và các điều kiện khác quy định tại Nghị định này.

Việc giao đất, cho thuê đất, thu tiền thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất và quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch) đảm bảo thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, phù hợp với quy mô tài sản và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương.

3. Nhà nước khuyến khích thực hiện xã hội hóa nhằm huy động và đa dạng hóa nguồn lực để duy trì, phát triển, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được thực hiện chế độ hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và tổ chức có liên quan thực hiện kế toán theo quy định hiện hành.

5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải bảo đảm công khai, minh bạch; đảm bảo mục tiêu cung cấp nước sinh hoạt góp phần cải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe người dân và an sinh xã hội; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không còn khả năng cấp nước, không phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc thu hồi đất gắn với tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

Chương II
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Mục 1
GIAO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 5. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn nhà nước) có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch.

d) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

2. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch.

b) Doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch.

c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

3. Hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức ghi tăng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều

này (sau đây gọi là đơn vị), cho Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (sau đây gọi là cơ quan).

b) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để lập phương án khai thác theo các phương thức sau:

Bán tài sản theo hình thức đấu giá cho các tổ chức để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch trong trường hợp không thực hiện được việc giao tài sản cho các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

Cho thuê quyền khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp tài sản đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nhưng thực tế việc quản lý, sử dụng và khai thác không đạt hiệu quả.

Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư xây dựng, mua sắm mới); cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư; đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác lập quyền sở hữu toàn dân) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm mới; tài sản tiếp nhận từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư): 01 bản chính;

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân): 01 bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản và bản sao hồ sơ kèm theo gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao; danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp đối tượng dự kiến được giao tài sản là doanh nghiệp có vốn nhà nước): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (đối với trường hợp đối tượng dự kiến được giao tài sản là cơ quan, đơn vị) (nếu có): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể: đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao, danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm b khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản;

Hình thức giao tài sản (ghi tăng tài sản/ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp);

Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và bên giao, bên nhận tài sản tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

4. Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Cơ quan, đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

b) Doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; thực hiện chế độ báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

c) Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và phê duyệt phương án khai thác tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và phê duyệt phương án khai thác tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản theo phương thức cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị giao lại tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để thực hiện khai thác. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị giao lại tài sản, trong đó nêu rõ lý do giao lại tài sản kèm theo Danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao và khai thác tài sản (phương án khai thác tài sản theo Mẫu số 04A, Mẫu số 04B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao và khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao và khai thác tài sản (phương án khai thác tài sản theo Mẫu số 04A, Mẫu số 04B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm b khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao và khai thác tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên cơ quan đề nghị giao lại tài sản;

Tên cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao, khai thác tài sản;

Hình thức khai thác tài sản (cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

Danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Căn cứ Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc khai thác tài sản (cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 14 Nghị định này/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 15 Nghị định này).

h) Sau khi lựa chọn được tổ chức thực hiện phương án khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản 6 Điều 14, điểm b khoản 6 Điều 15 Nghị định này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản từ Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện các công việc quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 14; các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 15 Nghị định này.

i) Trong thời gian từ ngày cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án giao và khai thác tài sản đến ngày thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản quy định tại điểm h khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản theo phương thức bán.

a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư xây dựng, mua sắm mới); cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư; đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác lập quyền sở hữu toàn dân) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch dự thảo phương án giao và khai thác tài sản, văn bản kèm bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan, trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch, doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn địa phương. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao và khai thác tài sản (phương án khai thác tài sản theo Mẫu số 04C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao và khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao và khai thác tài sản; trong đó xác định cụ thể danh mục tài sản giao và khai thác (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); phương thức khai thác (bán đấu giá): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm b khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao và khai thác tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên cơ quan được giao tài sản;

Hình thức khai thác tài sản (bán đấu giá);

Danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Căn cứ Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với bên giao, cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

h) Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc bán đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

i) Trong thời gian triển khai phương án khai thác (bán đấu giá) tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo hình thức đấu giá theo quy định của pháp luật.

a) Tổ chức tham gia đấu giá mua tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về sản xuất và kinh doanh nước sạch; có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch.

b) Tổ chức mua tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện quản lý, sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch (không thay đổi công năng sử dụng của tài sản) theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

c) Tổ chức mua tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản đã mua theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan áp dụng đối với loại hình tổ chức mua tài sản.

2. Xác định giá khởi điểm để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Giá khởi điểm để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương; không thấp hơn giá trị đánh giá lại của tài sản theo quy định của pháp luật; không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá khởi điểm, gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá tài sản.

3. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm thuê tổ chức đấu giá để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Ưu tiên đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch qua Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công. Thông tin về việc đấu giá được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và đăng tải trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công hoặc Trang thông tin điện tử về tài sản công.

4. Tổ chức trúng đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản trong thời hạn không quá 180 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản theo tiến độ 02 lần; trong đó, lần thứ nhất phải thanh toán tối thiểu 50% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định nêu trên (được quy định tại Hợp đồng mua bán tài sản) mà tổ chức trúng đấu giá tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản thì phải nộp khoản tiền chậm nộp; mức tiền

chậm nộp áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của tổ chức mua tài sản gửi Cục thuế để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho tổ chức mua tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công sau khi tổ chức mua tài sản hoàn thành việc thanh toán và thực hiện bàn giao tài sản tại nơi có tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

6. Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản; thời hạn bàn giao tài sản; xử lý trách nhiệm của các bên trong trường hợp vi phạm Hợp đồng mua bán; thời hạn áp dụng biện pháp thu hồi tài sản mà không phải bồi hoàn trong trường hợp quá thời hạn thanh toán mà chưa thanh toán đủ phải được quy định trong Quy chế bán đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản.

Căn cứ thời hạn áp dụng biện pháp thu hồi tài sản được quy định tại Quy chế đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi tài sản và không hoàn trả số tiền đã thanh toán cho tổ chức mua tài sản theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

7. Xử lý trong trường hợp đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không thành:

a) Tổ chức đấu giá lại đối với trường hợp đấu giá lần đầu không thành.

b) Trường hợp sau 02 lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện việc thay đổi phương án bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Thủ tục thay đổi phương án bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được việc đấu giá không thành, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch (trong đó nêu rõ lý do đấu giá không thành và mô tả đầy đủ quá trình tổ chức đấu giá): 01 bản chính;

Quyết định đấu giá tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản sao;

Biên bản đấu giá tài sản (nếu có) và các hồ sơ liên quan đến quá trình tổ chức đấu giá tài sản: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức đấu giá lại.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lập hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện giao tài sản theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

9. Số tiền thu được từ đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Mục 2
HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 9. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản:

Quyết định giao, điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền; biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản;

Hồ sơ pháp lý về đất (Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất);

Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

b) Báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (theo các Mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

c) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (theo các Mẫu số 02A, 02B, 02C, 02D, 02Đ, 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ và 03E quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

d) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

2. Cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch chịu trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan, đơn vị quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan, đơn vị phù hợp với nguyên tắc nêu trên.

2. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, trích khấu hao, tính hao mòn tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc ghi sổ kế toán trong một số trường hợp:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đã có thông tin giá trị trên sổ kế toán thì sử dụng thông tin giá trị đã có để ghi sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì sử dụng giá trị theo đánh giá lại; hoặc giá trị đầu tư của công trình có cấp, hạng, quy mô công

suất tương đương (đã có thông tin giá trị trên sổ kế toán), sau khi đã trừ đi giá trị của thời gian đã sử dụng để ghi sổ kế toán.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được mua sắm, đầu tư xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì giá trị ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, quyết toán theo quy định.

Trường hợp tài sản được đầu tư xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán; nguyên giá tạm tính được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu AB; giá trị dự toán của dự án đã được phê duyệt. Khi có quyết toán được phê duyệt, kế toán thực hiện điều chỉnh giá trị đã ghi sổ theo quy định của pháp luật về kế toán.

d) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong quá trình quản lý, sử dụng được sửa chữa nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì khi quyết toán dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, kế toán thực hiện ghi tăng giá trị tài sản theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

Mục 3
BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 11. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải được bảo trì theo trình tự, quy trình, kế hoạch và tiêu chuẩn, định mức nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.

2. Việc xác định chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí bảo trì công trình xây dựng.

3. Chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch trong kỳ kế toán của đơn vị cấp nước theo quy định của pháp luật kế toán, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

Trường hợp tài sản được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này tại các địa bàn mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá bán nước sinh hoạt thấp hơn giá thành sản xuất để khuyến khích người dân sử dụng nước sạch thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể để xem xét, quyết định bố trí kinh phí bảo trì tài sản từ ngân sách nhà nước. Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Đối với tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà tổ chức thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác có nghĩa vụ thực hiện việc bảo trì theo Hợp đồng ký kết thì việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do tổ chức được thuê quyền khai thác hoặc được nhận chuyển nhượng quyền khai thác thực hiện theo quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

5. Đối với tài sản giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này thì việc bảo trì tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

Điều 12. Tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá bảo trì và khối lượng công việc cần thực hiện; cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản (trừ trường hợp bảo trì tài sản tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này), báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

b) Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về

công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản.

c) Cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước về công tác bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản trung hạn 03 năm và 05 năm trong kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 05 năm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Việc lựa chọn đơn vị thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan; trừ trường hợp Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc giao việc bảo trì cho nhà thầu thi công theo quy định của pháp luật.

4. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Mục 4
KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 13. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tự vận hành, khai thác tài sản

1. Căn cứ chức năng nhiệm vụ, thực tế vận hành tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản trực tiếp thực hiện toàn bộ công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản.

b) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản sau đây cho tổ chức, đơn vị, cá nhân:

Vận hành tài sản;

Bảo trì tài sản;

Thu tiền nước;

Các công việc khác có liên quan đến vận hành, khai thác tài sản.

Quy định giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản tại điểm này không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.

2. Việc giao khoán vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định công việc giao khoán, đơn giá giao khoán cho từng công việc trong quá trình vận hành, khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm:

Lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận khoán theo quy định của pháp luật đấu thầu;

Ký Hợp đồng giao khoán theo quy định của pháp luật;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán kinh phí khoán theo Hợp đồng đã ký kết.

Điều 14. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch áp dụng đối với tài sản được giao cho đơn vị quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này hoặc được giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật; trường hợp việc cho thuê quyền khai thác có nhiều tài sản với thời gian sử dụng còn lại khác nhau thì thời hạn cho thuê quyền khai thác không quá thời hạn sử dụng còn lại của tài sản có thời hạn sử dụng còn lại nhiều nhất.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

3. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Tiêu chí lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá gồm:

a) Tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch.

b) Có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch.

4. Trình tự, thủ tục cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp giao tài sản cho đơn vị quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này như sau:

a) Đơn vị được giao quản lý tài sản lập phương án cho thuê quyền khai thác tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Phương án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện:

Chỉ đạo đơn vị được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

6. Căn cứ phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch (đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này), đơn vị được giao quản lý tài sản (đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này) tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản như sau:

a) Xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

c) Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

7. Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên cho thuê.

b) Thông tin của bên thuê.

c) Danh mục tài sản được cho thuê quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản).

d) Thời hạn cho thuê; giá cho thuê; phương thức và thời hạn thanh toán tiền thuê, tiền chậm nộp (nếu có); trách nhiệm và yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Quyền của bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Trực tiếp tổ chức vận hành, khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định việc vận hành, khai thác tài sản đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch.

c) Được thu tiền kinh doanh nước sạch và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

d) Thực hiện các quyền khác của bên thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

9. Nghĩa vụ của bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Bảo quản tài sản thuê (bao gồm cả đất gắn với tài sản); không để thất thoát, lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

b) Sử dụng, khai thác tài sản thuê đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn.

c) Thực hiện bảo trì tài sản đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác theo Hợp đồng đã ký kết; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có).

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo với bên cho thuê về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động cung cấp nước sạch liên tục, ổn định.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên cho thuê; cùng bên cho thuê giải quyết phát sinh, vướng mắc.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

10. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 15. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch áp dụng đối với tài sản được giao cho đơn vị quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này hoặc được giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 20 năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

3. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Tiêu chí lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá gồm:

a) Tổ chức tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch.

b) Có năng lực về tài chính để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp giao tài sản cho đơn vị quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này như sau:

a) Đơn vị được giao quản lý tài sản lập phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện:

Chỉ đạo đơn vị được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không phù hợp.

6. Căn cứ phương án chuyển nhượng có thời hạn tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch (đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này), đơn vị được giao quản lý tài sản (đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này) tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản như sau:

a) Xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

c) Ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

7. Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên chuyển nhượng.

b) Thông tin của bên nhận chuyển nhượng.

c) Danh mục tài sản được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng; giá chuyển nhượng; phương thức và thời hạn thanh toán tiền nhận chuyển nhượng, tiền chậm nộp (nếu có); hạng mục công trình đầu tư, nâng cấp theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm và yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản; các nội dung cần thiết khác.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Tổ chức nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có trách nhiệm thanh toán tiền nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng chuyển nhượng.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản này mà tổ chức nhận chuyển nhượng chưa thanh toán đủ số tiền theo Hợp đồng chuyển nhượng đã được ký kết thì cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị được giao quản lý tài sản có văn bản kèm theo bản sao Hợp đồng chuyển nhượng và chứng từ về việc nộp tiền của tổ chức nhận chuyển nhượng quyền khai thác gửi về Cục thuế để xác định và ra thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

9. Quyền của bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Trực tiếp tổ chức vận hành, khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định việc vận hành, khai thác tài sản đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch.

c) Được thu tiền kinh doanh nước sạch và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

d) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10. Nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Thực hiện đầu tư dự án nhận chuyển nhượng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đúng tiến độ, chất lượng.

b) Bảo quản tài sản (bao gồm cả đất gắn với tài sản); không để bị lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn.

d) Thực hiện bảo trì tài sản đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác theo Hợp đồng đã ký kết; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có).

đ) Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng.

e) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động cung cấp nước sạch liên tục, ổn định.

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng; cùng cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng giải quyết phát sinh, vướng mắc.

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

11. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 16. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

là khoản tiền tổ chức thuê quyền khai thác hoặc nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước để được sử dụng tài sản theo Hợp đồng ký kết.

2. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

a) Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở:

Căn cứ tiêu chí số thu tiền nước của năm trước liền kề trước khi thực hiện cho thuê quyền khai thác, mức tăng trưởng của số hộ dân dùng nước hàng năm và các chi phí khác có liên quan.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư, xây dựng mới, thời gian đưa vào khai thác sử dụng chưa đủ để hạch toán theo năm tài chính (tròn 12 tháng) thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác được xác định căn cứ theo mục tiêu, quy mô cấp nước theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Giá cho thuê trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng tại thời điểm cho thuê.

b) Giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở giá trị còn lại tại thời điểm phê duyệt phương án theo kết quả đánh giá lại, thời gian sử dụng còn lại của tài sản, mức tăng trưởng số hộ dân dùng nước hàng năm, giá trị đầu tư bổ sung, doanh thu và chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

3. Việc tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm và thẩm quyền quyết định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch như sau:

Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài

sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mục 5
XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 17. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã giao cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này thực hiện theo các hình thức sau:

1. Thu hồi.

2. Điều chuyển.

3. Thanh lý.

4. Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

5. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý.

b) Tài sản được giao không đúng đối tượng; sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản.

c) Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

d) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả và không bền vững theo đánh giá của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Tài sản bán đấu giá theo Điều 8 Nghị định này nhưng quá thời hạn thanh toán phải thu hồi theo quy định tại Nghị định này.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thu hồi được xử lý như sau:

a) Giao quản lý theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

b) Điều chuyển theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để tổng hợp, báo cáo cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do thu hồi): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan về việc thu hồi tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về đề nghị thu hồi tài sản.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

Tên cơ quan, đơn vị có tài sản bị thu hồi;

Danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); lý do thu hồi;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này, thực hiện báo cáo tài sản theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời gian chờ xử lý, cơ quan, đơn vị có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định của pháp luật.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và các cơ quan quản lý nhà nước khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch theo quy định tại điểm e, điểm g khoản 4 Điều này.

Điều 19. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch chỉ thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý.

b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giữa các bộ, cơ quan trung ương với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản; cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển (trong đó nêu rõ lý do điều chuyển): 01 bản chính.

b) Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính.

d) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này, gửi cơ quan quan quản lý cấp trên (nếu có).

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan về việc điều chuyển tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về đề nghị điều chuyển tài sản.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan) và hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản (đối với tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền (đối với tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

Tên cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển;

Tên cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển;

Danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); lý do điều chuyển;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản.

7. Sau khi bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan, đơn vị thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị bàn giao, tiếp nhận tài sản hạch toán giảm, tăng tài sản, theo chế độ kế toán hiện hành; đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật; báo cáo theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

c) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển.

Điều 20. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả.

b) Phá dỡ tài sản cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản không sử dụng được theo công năng của tài sản.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xử lý bán hoặc điều chuyển.

4. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý (trong đó nêu rõ lý do thanh lý): 01 bản chính.

b) Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính.

c) Văn bản tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, đơn vị (trường hợp vật liệu, vật tư thu hồi được xử lý điều chuyển) (nếu có): 01 bản chính;

d) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Khi có tài sản cần thanh lý, cơ quan, đơn vị có tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo bản sao hồ sơ, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, ban hành Quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm:

Tên cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý;

Danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); lý do thanh lý;

Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có); tên cơ quan, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi (trường hợp đã xác định được đối tượng tiếp nhận);

Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi.

Đối với vật liệu, vật tư thu hồi được xử lý theo hình thức bán thì thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Đối với vật liệu, vật tư thu hồi được xử lý theo hình thức điều chuyển thì thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp không sử dụng cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng) hoặc thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này (trường hợp sử dụng cho tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch).

e) Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

6. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 21. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

3. Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Văn bản đề nghị xử lý của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do điều chuyển): 01 bản chính.

b) Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính.

c) Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính.

d) Các hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại (nếu có): 01 bản sao.

4. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại quy định tại khoản 3 Điều này gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này ban hành Quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm:

Tên cơ quan, đơn vị có tài sản bị mất, bị hủy hoại;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (báo cáo theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

6. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để đảm bảo khôi phục hoạt động cấp nước thông suốt, ổn định.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được thực hiện theo quy định Điều 23 Nghị định này. Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Mục 6
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ KHAI THÁC, XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản tự vận hành, khai thác theo quy định tại Điều 13 Nghị định này thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện phương án khai thác quy định tại các Điều 8, 14, 15, các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 26 Nghị định này, việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được số tiền khai thác tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch (đối với trường hợp khai thác tài sản theo quy định tại Điều 8, các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 26 Nghị định này), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị (đối với trường hợp khai thác tài sản theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này) thực hiện nộp toàn bộ số tiền nhận được vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản.

b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm lập dự toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản gồm: chi phí kiểm kê; chi phí xác định giá khởi điểm (bán đấu giá, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); chi phí xác định giá trị hoàn trả (giao tài sản có hoàn trả giá trị cho Nhà nước); chi phí tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan đến việc khai thác tài sản.

3. Căn cứ lập dự toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến việc khai thác tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, người đứng đầu đơn vị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả; người đứng đầu cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, người đứng đầu đơn vị được giao quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc thực hiện phương án khai thác tài sản, tổng chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc khai thác tài sản: 01 bản sao.

c) Hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 4 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan.

6. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

7. Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Điều 23. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được số tiền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại Mục 5 Chương này, cơ quan, đơn vị

được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có tài sản xử lý (là cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản) thực hiện nộp toàn bộ số tiền nhận được vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý.

3. Căn cứ đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

4. Mức chi liên quan đến việc xử lý tài sản:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: dự toán chi được duyệt; chi phí kiểm kê, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản.

7. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

8. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý.

Mục 7
CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ BÁO CÁO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 24. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải được báo cáo kê khai và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Báo cáo kê khai lần đầu theo Mẫu số 01A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được báo cáo kê khai lần đầu theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 54/2013/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung);

Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành;

Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (nông thôn/đô thị) phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm a khoản này theo các Mẫu số 01B, 01C, 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị được giao quản lý hoặc thông tin về tài sản.

3. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch lập báo cáo kê khai tài sản theo các Mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi cơ quan quản lý cấp trên ký xác nhận để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, tài sản đã kê khai.

4. Hàng năm, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản (bao gồm số tiền thu được từ xử lý, từ khai thác tài sản của năm trước) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện phương án khai thác tài sản theo các Mẫu số 02A, 02B, 02C, 02D và 02Đ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này như sau:

Báo cáo tình hình thực hiện việc khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại các Điều 13, 14 và 15 Nghị định này theo các Mẫu số 02A, 02B và 02C;

Báo cáo tình hình thực hiện việc khai thác theo phương thức bán tài sản, giao tài sản có hoàn trả giá trị cho Nhà nước quy định tại Điều 8 và khoản 7, khoản 10 Điều 26 Nghị định này theo Mẫu số 02D, Mẫu số 02Đ.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo các Mẫu số 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ và 03E quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hàng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập báo cáo gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản cấp nước sạch gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản của cả nước.

7. Doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao tài sản theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định này thực hiện báo cáo về tài sản theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này phù hợp với đặc điểm, yêu cầu quản lý.

8. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp.

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Gửi qua Fax.

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin.

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, Sở Tài chính thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý tồn tại

1. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hoàn thành các công việc sau:

a) Rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có.

b) Kiểm tra hiện trạng, lập Biên bản kiểm tra hiện trạng quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp không có hồ sơ công trình thì cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan để hoàn thiện hồ sơ với các thông tin chủ yếu gồm: năm đưa vào sử dụng, thời gian sử dụng, giá trị công trình tại thời điểm kiểm tra).

c) Lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch: 01 bản chính;

Biên bản hiện trạng quản lý công trình cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản này: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý công trình: 01 bản chính;

Giấy tờ có liên quan khác: 01 bản sao.

2. Lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hoàn thành đầu tư xây dựng, mua sắm, tài sản tiếp nhận từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư được xác lập quyền sở hữu toàn dân trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa giao cho đối tượng quản lý thì thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Nghị định này.

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc lập phương án giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này với hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 5 được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này với hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Trong thời gian chưa hoàn thành việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại điểm này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm lập báo cáo đối với tài sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

3. Thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được giao cho đối tượng quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (sau đây gọi là Thông tư số 54/2013/TTBTC), Thông tư số 76/2017/TTBTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính (sau đây gọi là Thông tư số 76/2017/TTBTC) thì tiếp tục thực hiện theo quyết định giao của cơ quan, người có thẩm quyền; việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho đối tượng quản lý không đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TTBTC, Thông tư số 76/2017/TTBTC hoặc đang tạm giao cho đối tượng quản lý.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao với hình thức nhận nợ theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TTBTC thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; sau khi hoàn thành việc hoàn trả số tiền đã nhận nợ với Nhà nước, doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao theo hình thức nhận nợ không đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TTBTC.

đ) Việc xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung quy định tại điểm b, điểm d khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

4. Thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp thì tiếp tục thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đang tạm giao cho đối tượng quản lý.

d) Việc xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị quy định tại điểm b, điểm c khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều này.

5. Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lập phương án giao quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Nghị định này đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung quy định tại điểm b, điểm d khoản 3 Điều này, trừ trường hợp áp dụng hình thức giao có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước quy định tại khoản 6 Điều này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này, trừ trường hợp áp dụng hình thức giao có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước quy định tại khoản 10 Điều này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung quy định tại điểm b khoản 3 Điều này được xử lý như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp đang quản lý tài sản và có đầu tư tăng thêm vào tài sản trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành là doanh nghiệp có vốn nhà

nước thì được lựa chọn giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định này hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều này.

b) Trường hợp doanh nghiệp đang quản lý tài sản và có đầu tư tăng thêm vào tài sản trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì thực hiện theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều này.

c) Trường hợp doanh nghiệp đang quản lý tài sản là công trình, mạng lưới đường ống xen kẹt, liền kề (sau đây gọi là công trình xen kẹt) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện việc giao tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý theo hình thức quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

7. Trình tự, thủ tục thực hiện việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho doanh nghiệp đang quản lý theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước quy định tại khoản 6 Điều này như sau:

a) Doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung lập 01 bộ hồ sơ đề nghị được giao tài sản, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị được giao tài sản theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước (giải trình quá trình được giao hoặc tạm giao quản lý; thực trạng việc quản lý, sử dụng và lý do đề xuất giao theo hình thức có hoàn trả); với doanh nghiệp có vốn nhà nước có thêm ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc lựa chọn hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị được giao tài sản có hoàn trả (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Biên bản kiểm tra hiện trạng quản lý tài sản; hồ sơ, tài liệu bàn giao, tạm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp: 01 bản chính;

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đầu tư tăng thêm vào tài sản (như: văn bản, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, quyết toán): 01 bản sao;

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong thời gian quản lý: 01 bản sao;

Hồ sơ liên quan khác: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về việc giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án giao tài sản không phù hợp. Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

Tên doanh nghiệp được giao tài sản;

Hình thức giao: giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước;

Danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản; giá trị đầu tư tăng thêm);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Căn cứ Quyết định giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xác định giá trị hoàn trả và giá trị thanh toán theo quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều này; doanh nghiệp được giao tài sản tiếp tục vận hành công trình trong thời hạn thực hiện việc thanh toán, bàn giao công trình.

8. Xác định giá trị hoàn trả tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

a) Giá trị hoàn trả tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương; không thấp hơn giá trị đánh giá lại của tài sản theo quy định của pháp luật; không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị hoàn trả tài sản gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá trị hoàn trả tài sản.

c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung ký kết Hợp đồng giao tài sản theo hình thức hoàn trả giá trị. Nội dung chủ yếu của Hợp đồng:

Thông tin của bên giao tài sản (cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch);

Thông tin của bên nhận tài sản theo hình thức hoàn trả (doanh nghiệp được giao tài sản);

Danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản; giá trị đầu tư tăng thêm);

Giá trị hoàn trả theo quy định tại điểm b khoản này;

Giá trị thanh toán theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 9 Điều này;

Thời hạn thanh toán theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều này;

Các nội dung khác.

9. Giá trị thanh toán xác định theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (trong đó có giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản) hoặc giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản đã được doanh nghiệp xác định, phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được cơ quan chức năng (kiểm toán/thuế) xác nhận và trường hợp doanh nghiệp không có giá trị đầu tư tăng thêm thì số tiền doanh nghiệp phải thanh toán là giá trị hoàn trả được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Trường hợp giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (trong đó có giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản) hoặc giá trị đầu tư tăng thêm chưa được doanh nghiệp phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được cơ quan chức năng (kiểm toán/thuế) xác nhận thì số tiền doanh nghiệp phải thanh toán là giá trị hoàn trả được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trừ đi giá trị mà doanh nghiệp đã đầu tư tăng thêm vào tài sản nhưng tối đa không vượt giá trị hoàn trả được phê duyệt.

c) Doanh nghiệp đang quản lý tài sản có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản hoàn trả theo Hợp đồng giao tài sản theo hình thức hoàn trả giá trị trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng.

Trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định tại Hợp đồng mà doanh nghiệp đang quản lý tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ giá trị hoàn trả thì phải nộp khoản tiền chậm nộp; mức tiền chậm nộp áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng và chứng từ về việc nộp tiền của doanh nghiệp được giao tài sản gửi Cục thuế để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Số tiền chậm nộp (nếu có) là khoản thu của ngân sách địa phương.

d) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công sau khi doanh nghiệp hoàn thành việc thanh toán tiền; trên hóa đơn ghi: thu tiền hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước.

đ) Doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

e) Việc quản lý, sử dụng số tiền hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

10. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị quy định tại điểm b khoản 4 Điều này được xử lý như sau:

a) Trường hợp khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp đang quản lý tài sản là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì được lựa chọn giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định này

hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều này.

b) Trường hợp khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp đang quản lý tài sản không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì thực hiện theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều này.

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Hợp đồng đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết; hết thời hạn của Hợp đồng ký kết thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ký kết kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện xong thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã ký và pháp luật tại thời điểm có Quyết định xử lý; trường hợp chưa có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên phạm vi cả nước và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, quy trình bảo trì, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên phạm vi cả nước và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

3. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức quy trình bảo trì, vận hành khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên phạm vi cả nước và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

b) Chỉ đạo việc báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

d) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện việc rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn để lập phương án khai thác tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các biện pháp phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này.

e) Chỉ đạo việc vận hành cấp nước sạch thông suốt, liên tục, không bị gián đoạn làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trong thời gian thực hiện việc rà soát, phân loại tài sản; thực hiện các thủ tục liên quan đến việc khai thác tài sản (bán/giao có hoàn trả giá trị tài sản/cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác).

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 8 năm 2022.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

Mẫu số 01A	Báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 01B	Báo cáo kê khai bổ sung thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 01C	Báo cáo kê khai giảm tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 01D	Báo cáo kê khai việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 02A	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (*Phương thức: Tự khai thác)*
Mẫu số 02B	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (*Phương thức: Cho thuê quyền khai thác)*
Mẫu số 02C	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác)*
Mẫu số 02D	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (*Phương thức*: *Bán đấu giá*)
Mẫu số 02Đ	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (*Phương thức*: *Giao có hoàn trả*)
Mẫu số 03A	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 03B	Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 03C	Báo cáo tổng hợp tình hình xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 03D	Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 03Đ	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng số tiền thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 03E	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng số tiền thu từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch
Mẫu số 04A	Phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch *(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)*
Mẫu số 04B	Phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch *(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)*
Mẫu số 04C	Phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch *(Phương thức: bán đấu giá)*
Mẫu số 05	Biên bản kiểm tra hiện trạng quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

Mẫu số 01A

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đối tượng:..... Mã đơn vị:.....

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Quận/Huyện..... Tỉnh/Thành phố.....

Loại hình: CQNN (UBND xã/Sở..)/ĐVSN (nhóm 1, 2, 3, 4)/DNNN (TNHHMTV, Công ty CP)

B. Thông tin về người lập báo cáo:

Họ và tên: Điện thoại liên hệ: Email:

C. Thông tin về tài sản

STT	Tài sản	Địa chỉ	Loại hình công trình	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m^2)		Công suất thiết kế (m^3/ ngày đêm)	Số hộ sử dụng nước (hộ)		Giá trị (đồng)			Chế độ hao mòn/ khấu hao	Tình trạng tài sản		Ghi chú
					Đất	Sàn sử dụng		Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Hao mòn/ Khấu hao (lũy kế)	GTCL		Hoạt động	Không hoạt động	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

....., ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO...

Mẫu số 01B

BÁO CÁO KÊ KHAI BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đối tượng:..... Mã đơn vị:.....

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Quận/Huyện..... Tỉnh/Thành phố.....

B. Thông tin thay đổi

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I. Về đối tượng được giao quản lý						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
II. Về tài sản						
1	Diện tích đất					
2	Diện tích sàn sử dụng					
3	Năm đưa vào sử dụng					
4	Loại hình công trình					
5	Nguyên giá					
6	Giá trị còn lại					

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
7	Tình trạng tài sản					
8	Thông tin khác					
III. Về công suất thực tế và việc khai thác tài sản						
1	Công suất thực tế của tài sản					
2	Số hộ dân sử dụng nước thực tế					
3	Phương thức khai thác					
4	Thông tin khác					
	....					

....., ngày... tháng.... năm....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO...

Mẫu số 01C

BÁO CÁO KÊ KHAI GIẢM TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đối tượng:.....

Mã đơn vị:.....

B. Thông tin về tài sản

ĐVT: đồng

STT	Danh mục tài sản	Hình thức, phương thức xử lý	Quyết định xử lý (hoặc bán đấu giá) (Số, ngày)	Đối tượng tiếp nhận tài sản	Tổng số tiền thu được	Số tiền nộp tài khoản tạm giữ	Chi phí xử lý	Số tiền nộp NSNN	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9 = (6-8)	10
	Tổng cộng								

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

Mẫu số: 01D

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

BÁO CÁO KÊ KHAI VIỆC KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên đơn vị:.....

Mã đơn vị:.....

B. Thông tin về tài sản

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Giá nước sạch bình quân của năm trước liền kề (đồng/m^3)		Dự án ĐT nâng cấp mở rộng TS được phê duyệt		Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (năm, tháng)	Tổ chức nhận khai thác	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

Mẫu số 02A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

(Phương thức: Tự khai thác)

STT	Danh mục tài sản	Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (đồng)		Giá nước sạch bình quân trong năm (đồng/m^3)		Quản lý số tiền thu được (đồng)				Ghi chú
		Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ	Tổng số tiền đã thu	Số tiền đã nộp NSNN (nếu có)	Số tiền đã được NSNN cấp bù (nếu có)	Chi phí bảo trì lũy kế	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng													
	...													

....., ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO....

Mẫu số 02B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác)

STT	Danh mục tài sản	Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (đồng)		Tên tổ chức thuê quyền khai thác	Thời hạn thuê (năm, tháng)	Số, ngày Hợp đồng thuê	Tổng số tiền phải thu theo Hợp đồng (đồng)	Chi phí có liên quan (đồng)	Số tiền nộp tài khoản tạm giữ (đồng)	Số tiền nộp NSNN (đồng)	Ghi chú
		Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng cộng														

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

ĐƠN VỊ BÁO CÁO.....

Mẫu số 02C

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác)

STT	Danh mục tài sản	Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (đồng)		Tên tổ chức nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản	Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (tháng)	Số, ngày Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác TS	Dự án ĐT nâng cấp mở rộng tài sản được phê duyệt		Tổng số tiền phải thu theo Hợp đồng (đồng)	Chi phí có liên quan (đồng)	Số tiền nộp tài khoản tạm giữ (đồng)	Số tiền nộp NSNN	Ghi chú
		Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại				Số, ngày Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Tổng số vốn đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng																
	...																

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu số 02D

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

(Phương thức: Bán đấu giá)

STT	Tài sản	Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (đồng)		Tên tổ chức mua tài sản	Giá khởi điểm (đồng)	Quyết định giao tài sản/ Hợp đồng mua bán tài sản (Số, ngày)	Quản lý, sử dụng số tiền (đồng)				Ghi chú
		Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại				Tổng số tiền thu được	Số tiền nộp tài khoản tạm giữ	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 (12-14)	16
I	**Tổng cộng**														
	...														

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO....

Mẫu số 02Đ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

(Phương thức: Giao có hoàn trả)

STT	Tài sản	Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (đồng)		Tên tổ chức nhận tài sản có hoàn trả	Giá trị phải hoàn trả (đồng)	Quyết định giao tài sản (Số, ngày)	Quản lý, sử dụng số tiền (đồng)				Ghi chú
		Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại				Tổng số tiền đã thu	Số tiền đã nộp tài khoản tạm giữ	Chi phí có liên quan	Số tiền phải nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 (10-14)	16
	...														

....., ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Mẫu số 03A

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Kỳ báo cáo.....

STT	Đối tượng được giao quản lý, sử dụng/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m^2)		Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng tài sản		Phương thức khai thác				Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng	Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	GTCL	Hoạt động	Không hoạt động	Tự khai thác	Cho thuê quyền khai thác	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác	Bán đấu giá/Giao có hoàn trả	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng																

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

Mẫu số 03B

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Kỳ báo cáo.....

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Giá nước sạch bình quân của năm trước liền kề (đồng/m^3)		Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng tài sản được phê duyệt		Quản lý số tiền thu được (đồng)				Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (tháng)	Tổ chức nhận khai thác	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	Tổng số tiền đã thu	Số tiền đã nộp NSNN (nếu có)	Số tiền đã được NSNN cấp bù (nếu có)	Chi phí bảo trì lũy kế	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng cộng														

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

Mẫu số 03C

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Kỳ báo cáo.....

STT	Đối tượng được giao quản lý, sử dụng/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m^2)		Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Tình trạng tài sản		Hình thức xử lý				Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng	Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Hoạt động	Không hoạt động	Thu hồi	Điều chuyển	Thanh lý	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng cộng														

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

Mẫu số 03D

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Kỳ báo cáo.....

STT	Đơn vị được giao quản lý, sử dụng	Số đầu kỳ			Tăng trong kỳ			Giảm trong kỳ			Số cuối kỳ			Ghi chú
		Số lượng	Trong đó		Số lượng	Trong đó		Số lượng	Trong đó		Số lượng	Trong đó		
			Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng													

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

Mẫu số 03Đ

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Kỳ báo cáo:.....

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị được giao quản lý, sử dụng	Tổng số công trình được giao quản lý, sử dụng và khai thác	Tự khai thác			Cho thuê quyền khai thác					Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác				Bán đấu giá				Giao có hoàn trả				Ghi chú
			Số lượng công trình	Số tiền thu được	Chi phí bảo trì	Số lượng	Số tiền phải thu	Số tiền đã thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp NSNN	Số lượng công trình	Số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp NSNN	Số lượng công trình	Số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp NSNN	Số lượng công trình	Số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 (8-10)	12	13	14	15 (13-14)	16	17	18	19 (17-18)	20	21	22	23	24
	Tổng cộng																						

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO.....

Mẫu số 03E

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Kỳ báo cáo.....

STT	Đơn vị được giao quản lý, sử dụng	Tổng số công trình được giao quản lý	Số lượng công trình xử lý			Số tiền thu được (đồng)	Chi phí có liên quan (đồng)	Số tiền nộp NSNN (đồng)	Ghi chú
			Tổng số	Thanh lý	Khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9 (7-8)	10
	Tổng cộng								

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04A

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ... **CƠ QUAN[1]/ĐƠN VỊ[2]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../.....-PA	*....., ngày... tháng.... năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH
(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

- Nghị định số...../2022/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê

- Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);

- Văn bản đề nghị giao lại tài sản của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trường hợp cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lập phương án khai thác tài sản).

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, công suất, số hộ sử dụng nước, giá trị theo sổ sách kế toán (nguyên giá/giá trị còn lại), tình trạng hoạt động của tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

.....

.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ CNS	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 được giao tài sản để lập phương án khai thác quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 7 Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ.

(2) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 lập phương án khai thác quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ.

Mẫu số 04B

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ... **CƠ QUAN[1]/ĐƠN VỊ[2]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../.....-PA	*....., ngày... tháng.... năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH
(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

- Nghị định số...../2022/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác

- Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);

- Văn bản đề nghị giao lại tài sản của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trường hợp cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lập phương án khai thác tài sản);

- Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản.

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến

thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo;

- Dự kiến sơ bộ về nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn trong thời gian tới.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, công suất, số hộ sử dụng nước, giá trị theo sổ sách kế toán (nguyên giá/giá trị còn lại), tình trạng hoạt động của tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

.....

.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ CNS *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 được giao tài sản để lập phương án khai thác quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 7 Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ.

(2) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 lập phương án khai thác quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ.

Mẫu số 04C

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ... **CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ CNS(*)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....-PA	*....., ngày... tháng.... năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH
(Phương thức: Bán đấu giá)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

- Nghị định số...../2022/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức bán đấu giá:

Văn bản đề xuất giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lập phương án khai thác theo phương thức bán đấu giá quy định tại điểm c (c1) khoản 3 Điều 5 Nghị định số...../2022/NĐ-CP kèm theo hồ sơ về việc không giao tài sản cho đối tượng quản lý (cơ quan, đơn vị, công ty cổ phần có vốn nhà nước như sau:

- Danh mục tài sản.

- Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tài sản tiếp nhận từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư)/Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)/Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản được thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số.../2022/NĐ-CP).

- Ý kiến của các cơ quan, đơn vị, công ty cổ phần có vốn nhà nước được dự kiến giao tài sản và ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan về dự kiến giao tài sản của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến phương án bán, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo;

- Dự kiến sơ bộ về nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn trong thời gian tới.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Mục đích của phương thức bán tài sản (*sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch (không thay đổi công năng sử dụng của tài sản) theo quy định của pháp luật).*

2. Điều kiện của người mua tài sản (*phải có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về sản xuất và kinh doanh nước sạch; có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch*).

3. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, công suất, số hộ sử dụng nước, giá trị theo sổ sách kế toán (nguyên giá/giá trị còn lại), tình trạng hoạt động của tài sản.

4. Phương thức tổ chức thực hiện việc bán (bán đấu giá) tài sản.

5. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản.

6. Dự kiến việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản.

7. Nguyên tắc xử lý đối với trường hợp người mua thay đổi công năng sử dụng của tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

.....

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

***Ghi chú*:**

(*) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 được giao tài sản để lập phương án khai thác quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 7 Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM TRA HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Hôm nay, vào lúc.... giờ ngày.... tháng..... năm.....:

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với: Tên công trình(1).....;

Tại địa chỉ(2).....

Cơ quan/Đơn vị/Doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng(3):.....

Thành phần đoàn kiểm tra gồm có:

1. Đại diện đơn vị sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

- Ông/Bà:..... Chức vụ:
- Ông/Bà:..... Chức vụ:
- Ông/Bà:..... Chức vụ:

2. Đại diện cơ quan quản lý cấp trên:

- Ông/Bà:..... Chức vụ:
- Ông/Bà:..... Chức vụ:
- Ông/Bà:..... Chức vụ:

3. Đại diện Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan (nếu có) thuộc địa phương (nơi có tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch):

- Ông/Bà:..... Chức vụ:
- Ông/Bà:..... Chức vụ:
- Ông/Bà:..... Chức vụ:

I. HỒ SƠ PHÁP LÝ VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH(4)

.....
.....
.....

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA HIỆN TRẠNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

1. Các chỉ tiêu về tài sản(5)

STT	Tên tài sản	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m^2)		Công suất (m^3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị		Tình trạng tài sản
				Đất	Sàn sử dụng	Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	GTCL	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

III. Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN

.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Thông tin về hồ sơ công trình.....

2. Thông tin về việc giao tài sản cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác:.....

3. Tình trạng hoạt động cấp nước của công trình:.....

Biên bản được lập thành..... bản và kết thúc vào lúc..... giờ cùng ngày.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ CẤP NƯỚC SẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TSKCHT CNS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1), (2), (3): Ghi theo thông tin trên Cơ sở dữ liệu hoặc theo hồ sơ tài sản tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng.

Riêng đối với chỉ tiêu (2) cần ghi rõ cả địa chỉ tại thời điểm kiểm tra (nếu có thay đổi);

- (3): Cơ quan/Đơn vị/Doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác đúng quy định hoặc đang tạm quản lý đối với tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 26 Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ.

- (4): Các giấy tờ liên quan đến việc hình thành tài sản như: Quyết toán công trình, bàn giao đưa vào sử dụng, văn bản giao công trình, quyết định giao đất, cho thuê đất...

- (5): Ghi theo hiện trạng tài sản tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng.